

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 641/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phan Thị Phụng

2. Ông Lữ Hà Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: 50 Đường H, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Trương Quốc K, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 50 Đường H, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Trương Quốc K tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 60/97, quyển số 01 ngày 29/12/1997 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông K có tình cảm và con chung với người phụ nữ khác.

Vào năm 2015, bà N đã nộp đơn xin ly hôn với ông K nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Tuy nhiên, đến nay bà N đã suy nghĩ kỹ mối quan hệ hôn nhân và xác định rõ không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

**- Về con chung:** Có 02 con chung là Trương Quốc T, sinh ngày 17/5/1998 đã trưởng thành và Trương Thị Thanh V, sinh ngày 20/9/2004.

Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ Trương Thị Thanh V đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông K đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Quốc K trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình vợ. Trước đây, ông có tình cảm và con chung với người phụ nữ khác, hiện đã không còn liên lạc với hai mẹ con họ. Nay tình cảm ông K dành cho bà N không thay đổi, vẫn yêu thương vợ con, mong muốn gia đình đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với bà N.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trương Quốc T, sinh ngày 17/5/1998 đã trưởng thành và Trương Thị Thanh V, sinh ngày 20/9/2004.

Ông K không đồng ý ly hôn với bà N nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông K tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N giữ nguyên trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung để ổn định cuộc sống.

Bị đơn ông Trương Quốc K vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N yêu cầu ly hôn với ông Trương Quốc K hiện đang cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60/97, quyển số 01 ngày 29/12/1997 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có

căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Trương Quốc K là hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Trương Quốc K ngày 17/7/2020 có nội dung bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Trương Quốc K không còn chung sống với nhau tại 50 Đường H, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K thỉnh thoảng vẫn về nhà, cả hai không có việc làm ổn định, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông K có con với người phụ nữ khác.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ mọi việc trong cuộc sống nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông K không còn sự chia sẻ lẫn nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Mặt khác, tình cảm của bà N dành cho ông K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà N để ổn định cuộc sống là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 50, quyển số 01/1998 ngày 27/5/1998 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh số 92/2004, quyển số 01 ngày 28/9/2004 có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Trương Quốc K có 02 con chung là Trương Quốc T, sinh ngày 17/5/1998 đã trưởng thành và Trương Thị Thanh V, sinh ngày 20/9/2004.

Xét, bà Nguyễn Thị Kiều N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Thị Thanh V và không yêu cầu ông K đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của bà N xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con cái. Tuy nhiên, việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc tới việc đảm bảo cuộc sống của con về mọi mặt. Tại bản tự khai ngày 17/7/2020 của trẻ Trương Thị Thanh V thể hiện nguyện vọng của trẻ muốn được sống cùng cùng mẹ. Do đó, vì bảo đảm lợi ích cho sự phát triển ổn định của trẻ, tránh ảnh hưởng tâm lý do thay đổi môi trường sống cùng với việc cân nhắc xem xét nguyện vọng của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trương Thị Thanh V, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông K đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 264 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Trương Quốc K.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Trương Quốc T, sinh ngày 17/5/1998 đã trưởng thành và Trương Thị Thanh V, sinh ngày 20/9/2004.

Giao trẻ Trương Thị Thanh V, sinh ngày 20/9/2004 cho bà Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông K đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Trương Quốc K đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình:

- Bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0042891 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; bà N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- UBND Phường M, quận Phú Nhuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**Vũ Thị Thu Quỳnh**